TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 656/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 9 - 2022
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Minh Ngọc.

Bà Nguyễn Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Doãn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 545/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2021 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXX-ST ngày 22/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh ***Lê Mạnh H***, sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn N, xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

- *Bị đơn:* Chị ***Trần Thị H1***, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Lê Mạnh H:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Anh H và chị Trần Thị H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội ngày 15/11/2015. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại thôn N, xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội trên nhà đất của bố mẹ anh.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh không đồng ý cách cư

xử, cách sống của chị H1 với anh và gia đình anh. Anh đã nhắc nhở chị H1 nhiều lần nhưng chị H1 không thay đổi. Vợ chồng đã từng xảy ra việc cãi vã, có một lần anh đánh chị H1 vào khoảng năm 2019. Sự việc đó chị H1 có gửi đơn đến công an xã KC. Công an xã KC đã mời hai vợ chồng lên để dàn xếp hòa giải. Đến đầu năm 2021 anh chị đã ly thân, anh ở luôn tại Bệnh viện nhiệt đới trung ương cơ sở 2 nơi anh đang làm việc, còn chị H1 vẫn ở nhà của bố mẹ anh. Sau buổi làm việc ngày 14/12/2021 tại Tòa án, chị H1 đã dọn đồ đạc ra khỏi nhà anh H tại thôn N, xã KC. Hiện nay chị H1 đi đâu anh không rõ. Việc mâu thuẫn của vợ chồng gia đình hai bên có biết, có tham gia hòa giải nhưng không thành. Chính quyền địa phương không hòa giải vì gia đình không yêu cầu. Đến nay, anh xác định vợ chồng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, kéo dài, không thể đoàn tụ nên yêu cầu ly hôn chị H1.

- Về con chung: Anh chị không có con chung.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Theo đơn khởi kiện anh xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai đối chất ngày 02/12/2021, anh H xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda City, KBKS 30F-807.16. Xe đó hiện nay anh đang quản lý, sử dụng. Giá trị xe lúc mua là 690.000.000 đồng năm 2019; giá trị hiện nay của xe còn 400.000.000 đồng. Do xe ô tô này mua có vay tiền ngân hàng và thế chấp xe vào ngân hàng TMCP S – Chi nhánh V; số tiền vay 420.000.000 đồng trong thời gian 07 năm, mỗi tháng trả 8.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Từ khi mua xe đến nay anh là người trả tiền cho ngân hàng hàng tháng. Anh sẽ có yêu cầu cụ thể về tài sản chung sau khi kiểm tra lại số tiền còn nợ ngân hàng. Tuy nhiên sau đó, anh H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa anh Lê Mạnh H vẫn giữ toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện ban đầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

***Quan điểm của bị đơn – chị Trần Thị H1*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với quan điểm của anh H về thời gian, thủ tục kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Gia đình anh H không tạo điều kiện để chị được gần gũi với anh H và gia đình anh H. Vợ chồng đã từng xảy ra cãi vã và có lần anh H đã đánh chị. Chị yêu cầu công an xã KC giải quyết, công an mời hai bên lên làm việc, hòa giải và chị đã rút đơn. Đầu năm 2021, anh H không về nhà mà ở luôn tại bệnh viện nơi anh H làm việc. Chị đã liên lạc với anh H để anh H về nhà để hai vợ chồng nói chuyện nhưng anh H không về. Chị trực tiếp đến nơi anh H làm việc nhưng anh H đuổi chị về và sau đó chặn số điện thoại của chị. Việc mâu thuẫn của vợ chồng gia đình hai bên đều biết và đã tham gia hòa giải nhưng không thành. Bố mẹ anh H còn tác động để anh H ly hôn chị. Chính quyền địa phương không tham gia hòa giải vì gia đình không yêu cầu. Đến nay, anh H yêu cầu ly hôn, quan điểm của chị lúc đầu là chưa muốn ly hôn vì không muốn đổ vỡ gia đình và xin thêm thời gian 06 tháng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu không hàn gắn được thì chị đồng ý ly hôn. Nhưng sau

đó chị đồng ý thuận tình ly hôn với anh H và rồi lại không đồng ý khi chưa giải quyết được tranh chấp về tài sản chung.

- Về con chung: Anh chị không có con chung.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Tại biên bản lấy lời khai đối chất ngày 02/12/2021, chị H1 xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda City, KBKS 30F-807.16 mua năm 2019; giá trị xe lúc mua là 690.000.000 đồng; giá trị hiện nay còn khoảng 400.000.000 đồng. Đúng là khi mua xe có thế chấp vào ngân hàng để vay tiền như anh H đã khai. Xe đăng ký tên anh H và anh H đang quản lý sử dụng. Chị yêu cầu chia đôi xe theo giá trị hiện nay. Ai sử dụng xe thì thanh toán cho bên kia một nửa giá trị. Khoản vay tại ngân hàng SHB không phải 07 năm mà chỉ 05 năm, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng cả gốc và lãi. Khoản vay này cả hai vợ chồng cùng ký hợp đồng, hàng tháng anh H trả tiền ngân hàng. Đến nay khoản vay trên còn khoảng hơn 200.000.000 đồng. Chị xác định đây là khoản nợ chung của 02 vợ chồng nên yêu cầu chia đôi. Trong ngày 14/12/2021, chị H1 có 02 lời khai: Vào hồi 09 giờ 30 phút chị có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, đến 10 giờ 14 phút chị có bản tự khai về việc đồng ý ly hôn và không nhờ Tòa án phân chia tài sản. Ngày 17/12/2021, chị lại có lời khai xác định do vợ chồng chưa giải quyết được vấn đề tài sản chung nên không đồng ý ly hôn anh H nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp hòa giải, phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Mạnh H về việc ly hôn với chị Trần Thị H1.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không giải quyết vì các bên không có yêu cầu.

Về án phí: Anh Lê Mạnh H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lê Mạnh H và chị Trần Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Chị H1 có hộ khẩu thường trú và cư trú tại huyện ĐA khi Tòa án giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm

quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị H1, tuy nhiên chị H1 vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị H1 theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn:

Anh H xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã từng xảy ra cãi vã, anh H có đánh chị H1 một lần. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay.

Chị H1 xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã từng xảy ra cãi vã, anh H có đánh chị H1 một lần. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Tuy nhiên chị H1 không đến Tòa án tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa.

Đại diện gia đình: Ông Lê Mạnh T – bố đẻ của anh Lê Mạnh H cung cấp ý kiến: Anh H và chị H1 kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã KC. Sau khi cưới anh chị về chung sống tại nhà đất của ông có từ trước tại thôn N, xã KC. Quá trình chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn, chị H1 thường xuyên bỏ đi không rõ lý do. Chị H1 nhiều lần xuống xin lỗi gia đình ông cho chị H1 ở lại nhưng chỉ được một thời gian thì chị H1 lại vẫn như vậy. Khi anh H làm đơn ly hôn, chị H1 có xin ông ở lại một thời gian nhưng sau đó chị lại bỏ đi vào khoảng tháng 12 năm 2021. Hiện chị H1 bỏ đi đâu gia đình ông không rõ. Theo gia đình ông tìm hiểu được thì chị H1 không về quê ở Phú Thọ, trước đây chị H1 có nói là chị làm việc tại bệnh viện 198 – Bộ công an nhưng thực tế chị H1 không làm ở đây. Đến nay, anh H yêu cầu ly hôn, ông đại diện gia đình có ý kiến mâu thuẫn của anh chị đã diễn ra quá lâu, không thể chung sống với nhau được nữa nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Đại diện chính quyền địa phương là thôn N và Ủy ban nhân dân xã KC rõ mâu thuẫn vợ chồng vì anh chị sống khép kín. Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Đại diện công an xã KC cung cấp: Chị Trần Thị H1, sinh ngày 01/10/1998 là vợ anh Lê Mạnh H, sinh năm 1978. Chị H1 và anh H đề đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã KC. Trước đây, anh H và chị H1 chung sống tại nhà anh H tại thôn N. Đến khoảng cuối năm 2021, chị H1 không còn ở cùng anh H tại thôn N, xã KC nữa. Hiện nay, công an xã KC cũng không rõ chị H1 đi đâu.

Như vậy xác định anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã từng xảy ra cãi vã, anh H đã từng đánh chị H1. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, khi Tòa án đang tiến hành giải quyết vụ án thì chị H1 bỏ đi khỏi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, gia đình anh H và chính quyền địa phương đều không biết chị bỏ đi đâu.

Trong quá trình giải quyết, khi thì chị đồng ý ly hôn, khi thì chị không đồng ý ly hôn vì chưa giải quyết xong về tài sản. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H kiên quyết yêu cầu ly hôn, chị H1 không đến Tòa án tham gia hòa giải, không có phương án để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của anh H về việc ly hôn chị H1 theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:

Anh chị không có con chung.

[4] Về tài sản chung, công sức của vợ chồng và nợ chung: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết anh H - chị H1 có nêu: Vợ chồng có tài sản chung là 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda City, KBKS 30F-807.16 mua năm 2019; giá trị xe lúc mua là 690.000.000 đồng; giá trị hiện nay còn khoảng 400.000.000 đồng. Khoản vay tại ngân hàng còn khoảng hơn 200.000.000 đồng. Ngoài ra còn một số tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt gia đình như ti vi, tủ lạnh....Anh chị khi thì yêu cầu Tòa án giải quyết, khi thì không yêu cầu. Tòa án đã giao Thông báo giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ số 545/2021/TB-TA ngày 02/12/2021 về việc yêu cầu các đương sự nộp đơn chia tài sản chung và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Hết thời hạn theo thông báo các đương sự không nộp đơn và các tài liệu, chứng cứ. Sau đó anh H có lời khai không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung trong khi chị H1 không đến Tòa án làm việc. Vì vậy không có căn cứ để giải quyết yêu cầu chia tài sản chung. Các đương sự có quyền khởi kiện chia tài sản chung bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Lê Mạnh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Mạnh H với chị Trần Thị H1. Anh Lê Mạnh H được ly hôn với chị Trần Thị H1.

Hôn nhân chấm dứt kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh chị không có con chung.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh H phải chịu để sung công quỹ nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045779 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Đông Anh.
- THA dân sự huyện Đông Anh.
- UBND xã KC, huyện ĐA; GCNKH số 72 ngày 15/11/2015.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuyến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Quang Tuyến

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Đông Anh.
- THA dân sự huyện Đông Anh.
- UBND xã KC, huyện Đông Anh; GCNKH số 72 ngày 15/11/2015.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuyến

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: …/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 9 - 2022
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Minh Ngọc.

Bà Nguyễn Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Doãn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 545/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2021 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXX-ST ngày 22/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh ***Lê Mạnh H***, sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn N, xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

- *Bị đơn:* Chị ***Trần Thị H1***, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Lê Mạnh H:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Anh và chị Trần Thị H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội ngày 15/11/2015. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại thôn N, xã KC, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội trên nhà đất của bố mẹ anh.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh không đồng ý cách cư

xử, cách sống của chị H1 với anh và gia đình anh. Anh đã nhắc nhở chị H1 nhiều lần nhưng chị H1 không thay đổi. Vợ chồng đã từng xảy ra việc cãi vã, có một lần anh đánh chị H1 vào khoảng năm 2019. Sự việc đó chị H1 có gửi đơn đến công an xã KC. Công an xã KC đã mời hai vợ chồng lên để dàn xếp hòa giải. Đến đầu năm 2021 anh chị đã ly thân, anh ở luôn tại Bệnh viện nhiệt đới trung ương cơ sở 2 nơi anh đang làm việc, còn chị Hưng vẫn ở nhà của bố mẹ anh. Sau buổi làm việc ngày 14/12/2021 tại Tòa án, chị H1 đã dọn đồ đạc ra khỏi nhà anh tại thôn N, xã KC. Hiện nay chị H1 đi đâu anh không rõ. Việc mâu thuẫn của vợ chồng gia đình hai bên có biết, có tham gia hòa giải nhưng không thành. Chính quyền địa phương không hòa giải vì gia đình không yêu cầu. Đến nay, anh xác định vợ chồng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, kéo dài, không thể đoàn tụ nên yêu cầu ly hôn chị H1.

- Về con chung: Anh chị không có con chung.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Theo đơn khởi kiện anh xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai đối chất ngày 02/12/2021, anh H xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda City, KBKS 30F-807.16. Xe đó hiện nay anh đang quản lý, sử dụng. Giá trị xe lúc mua là 690.000.000 đồng năm 2019; giá trị hiện nay của xe còn 400.000.000 đồng. Do xe ô tô này mua có vay tiền ngân hàng và thế chấp xe vào ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Vạn Phúc; số tiền vay 420.000.000 đồng trong thời gian 07 năm, mỗi tháng trả 8.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Từ khi mua xe đến nay anh là người trả tiền cho ngân hàng hàng tháng. Anh sẽ có yêu cầu cụ thể về tài sản chung sau khi kiểm tra lại số tiền còn nợ ngân hàng. Tuy nhiên sau đó, anh H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa anh Lê Mạnh H vẫn giữ toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện ban đầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

***Quan điểm của bị đơn – chị Trần Thị H1*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với quan điểm của anh H về thời gian, thủ tục kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Gia đình anh H không tạo điều kiện để chị được gần gũi với anh H và gia đình anh H. Vợ chồng đã từng xảy ra cãi vã và có lần anh H đã đánh chị. Chị yêu cầu công an xã KC giải quyết, công an mời hai bên lên làm việc, hòa giải và chị đã rút đơn. Đầu năm 2021, anh H không về nhà mà ở luôn tại bệnh viện nơi anh H làm việc. Chị đã liên lạc với anh H để anh H về nhà để hai vợ chồng nói chuyện nhưng anh H không về. Chị trực tiếp đến nơi anh H làm việc nhưng anh H đuổi chị về và sau đó chặn số điện thoại của chị. Việc mâu thuẫn của vợ chồng gia đình hai bên đều biết và đã tham gia hòa giải nhưng không thành. Bố mẹ anh H còn tác động để anh H ly hôn chị. Chính quyền địa phương không tham gia hòa giải vì gia đình không yêu cầu. Đến nay, anh H yêu cầu ly hôn, quan điểm của chị lúc đầu là chưa muốn ly hôn vì không muốn đổ vỡ gia đình và xin thêm thời gian 06 tháng để hàn gắn

tình cảm vợ chồng, nếu không hàn gắn được thì chị đồng ý ly hôn. Nhưng sau đó chị đồng ý thuận tình ly hôn với anh H và rồi lại không đồng ý khi chưa giải quyết được tranh chấp về tài sản chung.

- Về con chung: Anh chị không có con chung.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Tại biên bản lấy lời khai đối chất ngày 02/12/2021, chị H1 xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda City, KBKS 30F-807.16 mua năm 2019; giá trị xe lúc mua là 690.000.000 đồng; giá trị hiện nay còn khoảng 400.000.000 đồng. Đúng là khi mua xe có thế chấp vào ngân hàng để vay tiền như anh Hà đã khai. Xe đăng ký tên anh Hà và anh Hà đang quản lý sử dụng. Chị yêu cầu chia đôi xe theo giá trị hiện nay. Ai sử dụng xe thì thanh toán cho bên kia một nửa giá trị. Khoản vay tại ngân hàng SHB không phải 07 năm mà chỉ 05 năm, mỗi tháng trả 10.000.000 đồng cả gốc và lãi. Khoản vay này cả hai vợ chồng cùng ký hợp đồng, hàng tháng anh Hà trả tiền ngân hàng. Đến nay khoản vay trên còn khoảng hơn 200.000.000 đồng. Chị xác định đây là khoản nợ chung của 02 vợ chồng nên yêu cầu chia đôi. Trong ngày 14/12/2021, chị H1 có 02 lời khai: Vào hồi 09 giờ 30 phút chị có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, đến 10 giờ 14 phút chị có bản tự khai về việc đồng ý ly hôn và không nhờ Tòa án phân chia tài sản. Ngày 17/12/2021, chị lại có lời khai xác định do vợ chồng chưa giải quyết được vấn đề tài sản chung nên không đồng ý ly hôn anh H nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên họp hòa giải, phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Mạnh H về việc ly hôn với chị Trần Thị H1.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không giải quyết vì các bên không có yêu cầu.

Về án phí: Anh Lê Mạnh H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lê Mạnh H và chị Trần Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã KC, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Chị H1 có hộ khẩu thường trú và cư trú tại huyện Đông Anh khi Tòa án giải quyết vụ

án. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với chị H1, tuy nhiên chị H1 vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị H1 theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn:

Anh H xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã từng xảy ra cãi vã, anh H có đánh chị H1 một lần. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay.

Chị H1 xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã từng xảy ra cãi vã, anh H có đánh chị H1 một lần. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Tuy nhiên chị H1 không đến Tòa án tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa.

Đại diện gia đình: Ông Lê Mạnh T – bố đẻ của anh Lê Mạnh H cung cấp ý kiến: Anh H và chị H1 kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND xã KC. Sau khi cưới anh chị về chung sống tại nhà đất của ông có từ trước tại thôn N, xã KC. Quá trình chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn, chị H1 thường xuyên bỏ đi không rõ lý do. Chị H1 nhiều lần xuống xin lỗi gia đình ông cho chị H1 ở lại nhưng chỉ được một thời gian thì chị H1 lại vẫn như vậy. Khi anh H làm đơn ly hôn, chị H1 có xin ông ở lại một thời gian nhưng sau đó chị lại bỏ đi vào khoảng tháng 12 năm 2021. Hiện chị H1 bỏ đi đâu gia đình ông không rõ. Theo gia đình ông tìm hiểu được thì chị H1 không về quê ở Phú Thọ, trước đây chị H1 có nói là chị làm việc tại bệnh viện 198 – Bộ công an nhưng thực tế chị H1 không làm ở đây. Đến nay, anh H yêu cầu ly hôn, ông đại diện gia đình có ý kiến mâu thuẫn của anh chị đã diễn ra quá lâu, không thể chung sống với nhau được nữa nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Đại diện chính quyền địa phương là thôn N và Ủy ban nhân dân xã KC rõ mâu thuẫn vợ chồng vì anh chị sống khép kín. Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Đại diện công an xã KC cung cấp: Chị Trần Thị H1, sinh ngày 01/10/1998 là vợ anh Lê Mạnh H, sinh năm 1978. Chị H1 và anh H đề đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã KC. Trước đây, anh H và chị H1 chung sống tại nhà anh H tại thôn N. Đến khoảng cuối năm 2021, chị H1 không còn ở cùng anh H tại thôn N, xã KC nữa. Hiện nay, công an xã KC cũng không rõ chị H1 đi đâu.

Như vậy xác định anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã từng xảy ra cãi vã, anh H đã từng đánh chị H1. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, khi Tòa án đang tiến hành giải quyết vụ án thì chị H1 bỏ đi khỏi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú,

gia đình anh H và chính quyền địa phương đều không biết chị bỏ đi đâu. Trong quá trình giải quyết, khi thì chị đồng ý ly hôn, khi thì chị không đồng ý ly hôn vì chưa giải quyết xong về tài sản. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H kiên quyết yêu cầu ly hôn, chị H1 không đến Tòa án tham gia hòa giải, không có phương án để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của anh H về việc ly hôn chị H1 theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:

Anh chị không có con chung.

[4] Về tài sản chung, công sức của vợ chồng và nợ chung: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết anh H - chị H1 có nêu: Vợ chồng có tài sản chung là 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda City, KBKS 30F-807.16 mua năm 2019; giá trị xe lúc mua là 690.000.000 đồng; giá trị hiện nay còn khoảng 400.000.000 đồng. Khoản vay tại ngân hàng còn khoảng hơn 200.000.000 đồng. Ngoài ra còn một số tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt gia đình như ti vi, tủ lạnh....Anh chị khi thì yêu cầu Tòa án giải quyết, khi thì không yêu cầu. Tòa án đã giao Thông báo giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ số 545/2021/TB-TA ngày 02/12/2021 về việc yêu cầu các đương sự nộp đơn chia tài sản chung và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Hết thời hạn theo thông báo các đương sự không nộp đơn và các tài liệu, chứng cứ. Sau đó anh H có lời khai không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung trong khi chị H1 không đến Tòa án làm việc. Vì vậy không có căn cứ để giải quyết yêu cầu chia tài sản chung. Các đương sự có quyền khởi kiện chia tài sản chung bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Lê Mạnh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Mạnh H với chị Trần Thị H1. Anh Lê Mạnh H được ly hôn với chị Trần Thị H1.

Hôn nhân chấm dứt kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh chị không có con chung.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh H phải chịu để sung công quỹ nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045779 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Đông Anh.
- THA dân sự huyện Đông Anh.
- UBND xã KC, huyện Đông Anh; GCNKH số 72 ngày 15/11/2015.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuyến